

**70TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 13/2023/DS-ST

Ngày: 10-4-2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ - THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Thanh Vũ

2/ Bà Lê Thị Xuân Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Mỹ Yên – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 10 tháng 4 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 02 năm 2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2023/QĐXXST-DS, ngày 14 tháng 3 năm 2023, giữa các Đ sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Lê Quang Th, sinh năm 1958, Số X, khu vực T, phường Long Hòa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Thạnh Lợi, xã Trung An, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nhau giữa ông Lê Quang Th với bà Nguyễn Thị Đ nên vào ngày 18/5/2021, ông Th và bà Nguyễn Thị Đ có xác lập hợp đồng vay tài sản với nhau. Cụ thể: theo hợp đồng ông Lê Quang Th đồng ý cho bà Nguyễn Thị Đ vay số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 tháng kể từ ngày 18/5/2021 – 18/7/2021, lãi suất vay hai bên thỏa thuận là 10%/năm, hợp đồng vay tiền được công chứng tại Văn phòng Công chứng Cao Việt Phương. Để đảm bảo cho khoản vay này, phía bà Đ có thể chấp cho ông Lê Quang Th giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 556, tờ bản đồ số 11, loại đất Lúa, diện tích 7.940m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02860 do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ cấp cho bà Nguyễn Thị Đ, được chỉnh lý trang tư tặng cho chị Nguyễn Thị Mỹ T theo hồ sơ số TA.416 ngày 20/7/2016.

Theo hợp đồng ủy quyền ngày 19/9/2017 giữa bà Nguyễn Thị Đ và chị Nguyễn Thị Mỹ Tđược lập tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Thanh Toàn thì chị Nguyễn Thị Mỹ Tđồng ý cho bà Nguyễn Thị Đ toàn quyền định đoạt đối với thửa đất trên, cụ thể bà Đ có quyền thế chấp, tặng cho, chuyển nhượng hay thực hiện các giao dịch bảo đảm thực hiện nghĩa vụ đối với người khác. Thời hạn ủy quyền là 10 năm kể từ ngày 19/9/2017. Quá trình vay tiền thì ông Th đã giao đủ tiền cho bà Đ theo thỏa thuận nhưng đến nay đã quá thời gian trả nợ nhưng bà Đ không thực hiện việc trả số tiền đã vay cho ông Th. Nay ông Th khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét buộc bà Đ phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Th với số tiền gốc 300.000.000 đồng. Yêu cầu bà Đ phải trả lãi quá hạn trên số tiền chậm thanh toán kể từ ngày 18/5/2021 đến ngày 10/4/2023 (ngày xét xử sơ thẩm). Nếu bà Đ không trả nợ ông Th yêu cầu Tòa án tuyên phát mãi tài sản mà bà Đ thế chấp cho ông Th là quyền sử dụng đất thuộc thửa 556, tờ bản đồ số 11, loại đất Lúa, diện tích 7.940m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02860 do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ cấp cho bà Nguyễn Thị Đ, được chỉnh lý trang tư tặng cho chị Nguyễn Thị Mỹ Ttheo hồ sơ số TA.416 ngày 20/7/2016.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ: Được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về Tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ số tiền đã vay và phải chịu lãi phát sinh quá hạn do Ngân hàng Nhà nước quy định, đây là tranh chấp về dân sự quan hệ pháp luật được xác định “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3, Điều 26, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Xét bị đơn bà Nguyễn Thị Đ được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Đ.

[2] Xét, vào ngày 18/5/2021 nguyên đơn và bị đơn có xác lập hợp đồng vay mượn tài sản với nhau, hợp đồng vay tài sản giữa các bên đã được xác lập tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và được Văn phòng Công chứng Cao Việt Phương chứng nhận. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án công nhận các bên có xác lập giao dịch vay tài sản với nhau là đúng sự thật.

[3] Xét, theo hợp đồng vay tài sản, nguyên đơn đồng ý cho bị đơn vay số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 tháng, kể từ ngày 18/5/2021 đến ngày 18/7/2021, bị đơn đã nhận đủ tiền vay theo thỏa thuận nhưng đến hạn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn là vi phạm các giao kết trong hợp đồng. Nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật nên Tòa án chấp nhận.

[4] Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa các bên có thỏa thuận lãi suất là 10%/năm, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất

theo mức lãi suất quá hạn do Ngân hàng nhà nước quy định là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Tuy nhiên, về thời gian tính lãi suất quá hạn được xác định kể từ ngày 19/7/2021, sau thời hạn bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết. Do vậy, bị đơn phải chịu lãi suất trong hạn theo hợp đồng 10%/năm kể từ ngày 18/5/2021 đến ngày 18/7/2021 (02 tháng) và lãi suất quá hạn kể từ ngày 19/7/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 10/4/2023 (01 năm 8 tháng 22 ngày, được làm tròn 21 tháng).

[5] Lãi suất trong hạn được tính: Vốn gốc 300.000.000 đồng x 02 tháng x 0.83/tháng = 4.980.000 đồng.

[6] Lãi quá hạn được tính: Vốn gốc 300.000.000 đồng x 21 tháng x 1.25%/tháng = 78.750.000 đồng.

[7] Tổng gốc, lãi: Gốc 300.000.000 đồng + lãi trong hạn 4.980.000 đồng + lãi quá hạn 78.750.000 đồng = 383.730.000 đồng.

[8] Từ các căn cứ trên, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn. Buộc bà Nguyễn Thị Đ phải có nghĩa vụ trả cho ông Lê Quang Th tổng số tiền nợ theo hợp đồng vay tài sản bao gồm gốc và lãi là 383.730.000 đồng.

[9] Xét, nguyên đơn hiện đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị Nguyễn Thị Mỹ T do bà Nguyễn Thị Đ dùng bảo đảm cho khoản vay tài sản giữa bà Đ với ông Th. Bà Đ được chị T ủy quyền định đoạt về tài sản trên, nhưng giữa bà Đ với ông Th không lập hợp đồng thế chấp tài sản và không thực hiện việc đăng ký giao dịch bảo đảm về thế chấp tài sản theo quy định nên hai bên chưa phát sinh giao dịch thế chấp tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật. Do vậy, Tòa án không chấp nhận yêu cầu của đương sự đề nghị tuyên phát mãi tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bà Đ. Sau khi án có hiệu lực ông Th được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án thực hiện việc kê biên tài sản này để phát mãi theo quy định của pháp luật.

[10] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền mà bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn. Nguyên đơn thuộc diện người cao tuổi có đơn xin miễn án phí được Tòa án chấp nhận nên không phải nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 4; Điều 5; Điều 6; Điều 7; Điều 8; Điều 9; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Đ phải có nghĩa vụ trả cho ông Lê Quang Th tổng số tiền nợ theo hợp đồng vay tài sản, bao gồm vốn gốc và lãi là 383.730.000 đồng (ba trăm tám mươi ba triệu bảy trăm ba mươi ngàn đồng).

3. Lãi suất chậm thi hành án: Kể từ khi các bên có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thanh toán số tiền phải thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Đ phải nộp số tiền 19.186.500 đồng. Nguyên đơn được miễn tạm ứng án phí.

5. Tuyên án công khai nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hay niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và điều 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các Đ sự;
- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND H Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đăng Khoa

